

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	12 - 13

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được kiểm toán soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên tiếng nước ngoài là Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

• **Vốn pháp định** : 135.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 240.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 39144290

Fax : (84 - 08) 39142295

Mã số thuế : 0304814339

• **Hoạt động kinh doanh**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Phạm Linh	Chủ tịch	4/5/2012	
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên thường trực	18/5/2011	
Ông Võ Quang Long	Thành viên thường trực	18/5/2011	
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	18/5/2011	24/3/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lập ngày 11 tháng 8 năm 2014 từ trang 5 đến trang 13 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét số 910. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục kiểm tra đối chiếu các chỉ tiêu trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Công tác soát xét cũng bao gồm việc đánh giá trách nhiệm tính toán các chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như trách nhiệm về tính chính xác của kết quả tính toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



VĂN NAM HẢI – Phó giám đốc

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2013-037-1

Số công văn: _/2014/ORS-KT

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

LƯU MINH TÚ
Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CÁC CHỈ TIÊU	CHI TIẾT	GIÁ TRỊ RỦI RO /VỐN KHẢ DỤNG
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	PHẦN IIA	19.416.296.955
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	PHẦN IIB	167.058.561
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	PHẦN IIC	27.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro		46.583.355.516
5.	Vốn khả dụng	PHẦN I	83.170.226.844
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)		178,54%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

**DIỆP TRI MINH**
Tổng Giám đốc**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**
Kế toán trưởng**LƯU MINH TÚ**
Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

PHẦN I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VKD	KHOẢN GIẢM	KHOẢN TĂNG
		(1)	(2)	(3)
A.	Nguồn vốn			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	240.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	1.047.890.198		
7.	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(67.064.472.294)		
8.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
9.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
10.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
11.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
12.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		(58.959.770.782)	135.920.810
1A	Tổng			165.159.567.932
B.	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-		-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		12.075.855.779	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		11.997.553.528	
2.	Trả trước cho người bán		67.615.769	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày trở xuống		10.686.482	
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			

IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		632.241.646	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		547.159.283	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác		85.082.363	
4.1	Tạm ứng		85.082.363	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		85.082.363	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			12.708.097.425
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn		63.183.615.695	
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		63.183.615.695	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	
II	Tài sản cố định		2.566.508.431	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		3.531.119.537	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			69.281.243.663
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				83.170.226.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

PHẦN IIA. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CÁC HẠN MỤC ĐẦU TƯ		HS RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	428.922.302.947	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5.	Trái phiếu chính phủ lãi suất cố định			-
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu Chính phủ thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
IV. Cổ phiếu			50.868.668.600	17.774.868.175
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%	12.086.683.700	1.208.668.370
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%	5.686.600.700	852.990.105
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	2.781.608.000	556.321.600
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%	30.313.776.200	15.156.888.100
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng	10%		-
14.	Quỹ thành viên	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch kể từ ngày giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%		-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				1.641.428.780
Mã chứng khoán		M. tăng	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
NH TMCP Phương Đông - OCB		20%	8.207.143.900	1.641.428.780
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				19.416.296.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

PHẦN IIB. RỦI RO THANH TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ RỦI RO						TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								167.058.561
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	83.633.577	83.633.577
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-		-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	83.424.984	83.424.984
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-		-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-		-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-			-	
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-			-	
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-			-	
4.	Từ 60 ngày trở lên	100%		-			-	
III. Rủi ro tăng thêm								-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng d	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
	B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I + II + III)						167.058.561	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

PHẦN IIC. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	127.889.038.483
II.	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	106.702.586.846
	1. Chi phí khấu hao	1.394.151.242
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(118.342.007)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	37.715.490.000
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	67.711.287.611
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	21.186.451.637
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	5.296.612.909
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = MAX{IV,V})		27.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 30 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo này được lập chủ yếu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán.

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

LƯU MINH TÚ
Kiểm soát nội bộ